TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Bản án số: 126 /2018/HNGĐ – ST
Ngày: 05/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Kim Châu Hổ;

2. Bà Châu Hồng Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Chu Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 682/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1969; Thường trú: Làng P, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định; tạm trú: 26/68 khu phố B 1, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1971; Thường trú: Làng P, xã Yên Lợi, huyện Y, tỉnh Nam Định; tạm trú: 348/10 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, anh và chị Ngô Thị T về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 01/7/1992 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống tại nhà bố mẹ tại xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định được khoảng 03 năm thì được bố mẹ cho đất cất nhà ở riêng. Năm 2002, vợ chồng cùng vào Bình Dương làm nghề buôn bán nhỏ, thu nhập chỉ đủ để trang trải cuộc sống. Ngay từ những ngày đầu chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Năm 2010, anh

còn phát hiện chị T còn có quan hệ với người đàn ông khác, khi đó anh đã tha thứ và cho chị T cơ hội nhưng chị T không lấy đó làm bài học để thay đổi mà chứng nào tật đó nên anh không còn niềm tin ở chị T nữa. Cũng trong năm 2010, anh đã dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh thì gia đình hai bên đều biết nhưng không có ý kiến gì. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Trần Thị O, sinh năm 1993 và Trần Thị Y, sinh năm 2000, hiện các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2018, bị đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị T thống nhất về thời gian tìm hiểu, kết hôn, quá trình chung sống như anh Trần Văn L trình bày. Chị T xác định, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự thấu hiểu và không hợp nhau về tính cách, lối sống. Chị T thừa nhận vào khoảng năm 2010 chị có quan hệ với người đàn ông khác bị anh L bắt gặp. Sau đó anh L tự ý dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, hỏi han gì đến nhau. Nay chị xác định bản thân còn thương anh L, vợ chồng đều đã lớn tuổi, thời gian ở bên nhau không còn nhiều nên chị không đồng ý ly hôn. Chị T muốn được đoàn tụ mặc dù chưa biết làm cách nào để anh L chịu quay về chung sống với chị.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị O, sinh năm 1993 và Trần Thị Y, sinh năm 2000. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu gì về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt.Về việc giải quyết vụ án: Anh L và chị T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn và sống ly thân trong một thời gian dài. Anh L xác định không còn tình cảm và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với chị T nên không thể hàn gắn. Chị T xác định hiện vẫn còn tình cảm với anh L nhưng chưa tìm được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa anh L và chị T đã thực sự trầm trọng, anh L xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung, hiện con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn anh Trần Văn L đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn chị Ngô Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Văn L và chị Ngô Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Ngô Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 01 tháng 7 năm 1992 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Anh Trần Văn L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, chị T sống không chung thủy, có quan hệ với người đàn ông khác, mặc dù anh L đã từng cho chị T cơ hội sửa đổi nhưng chị T vẫn chứng nào tật đó nên anh L không còn niềm tin ở chị T. Bản thân chị Ngô Thị T cũng thừa nhận cuộc sống hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc không hợp nhau và không có sự thấu hiểu lẫn nhau. Năm 2010, chị T còn có quan hệ với người đàn ông khác và bị anh L bắt gặp, từ đó dù chị đã cố gắng thay đổi nhưng anh L không còn tin tưởng chị nên đã dọn ra ngoài sống riêng cho đến nay. Bản thân chị T mong muốn đoàn tụ hàn gắn gia đình nhưng anh L không đồng ý, xác định vợ chồng ly thân đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ. Chị T cũng không đưa ra được giải pháp nào để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh L và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn L là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Hiện con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 147, các điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L đối với chị Ngô Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L được ly hôn với chị Ngô Thị T (Giấy chứng nhận kết hôn số 10, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định cấp ngày 01 tháng 7 năm 1992).

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết**.**

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019684 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng